

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR+AMD	7:25	19+0+1	0+0+0		18+3+1	0+0+0	chuyen 1 pvd8-savr
2		P1+TD1	7:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
3		CLO+MRM+RC5	7:25	14+6+0	0+0+0		14+7+0	0+0+0	chuyen 2 clo-rc5
4		PVD8+TD3	7:25	20+0	0+0		21+1	0+0	chuyen 1 pvd8-td3
5		TTC3+P8	9:25	2+15	0+0		5+17	0+0	chuyen 2 ttc3-p8
6		TD3+GTCl	9:25	20+1	0+0		18+3	0+0	
7		P6+P5+CLO	9:25	10+0+9	0+0+0		3+8+11	0+0+0	
8		TD2	11:30	13	0		19	0	puma
9		TD2+SAVR	12:30	13+0	0+0		1+18	0+0	ec225
10		BK14+P8+PVD8	11:40	3+11+6	0+0+0		1+9+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 2 người đi KNT về trong ngày (PVD8)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PVD8 - SAVR - AMD	CREW: QVIỆT - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/2434		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN NGUYEN	PVD8	42-43	2	18			66	HALLIBUR	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THANH	PVD8	59-60	2	8			71	PVD LOGG	Vietnamese
3	FRANKLIN DELANOR HENSON JR	PVD8	49-50	2	20			108	PVD DD	American
4	BUI KIẾN ĐỨC	PVD8	45	1	5			91	SGC	Vietnamese
5	LÊ VĂN ĐỨC	PVD8	44	1	6			64	SGC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	61	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
7	TRƯƠNG TRỌNG TUẤN ĐẠT	PVD8	47-48	2	14			79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC SANG	PVD8	46	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
9	KIEU TUẤN ANH	PVD8	57-58	2	12			84	DVL	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN CHUNG	PVD8	40	1	15			76	DVL	Vietnamese
11	HUYNH VŨ TÍNH	PVD8	41	1	11			65	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUÂN	PVD8	56	1	9			80	PVD DD	Vietnamese
13	DIAMIAT	PVD8	51-52	2	16			78	PVD DD	Indonesian
14	BUI MẠNH HUNG	PVD8	55	1	8			71	PVD DD	Vietnamese
15	VŨ NGỌC ANH	PVD8	53-54	2	14			82	PVD DD	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN THẬP MƯỜI	PVD8	62	1	9			71	HECO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NHIÊN	PVD8	63	1	8			75	HECO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHIÊN	PVD8	64-65	2	12			52	HECO	Vietnamese
19	CHU VĂN HAO	AMD	80	1	6	2	21	73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.361	26	198	0	0	18	4	CHUYEN 1 PAX PVD8-SAVR
2	SAVR	0	0	0	0	1	10	3		
3	AMD	1	73	1	6	2	21	1		
TOTAL		19	1.434	27	204	3	31	22		
WEIGHT KG			1.434		204		31			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ

☐☒



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P1 - TD1	CREW: NAM - HTRUNG - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/2437		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAI ANH TUÂN	P1	91	1	17	1	18	102	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG AN	P1	90	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	P1	88-89	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHÍ CÔNG	P1	60	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
5	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1						105	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	04	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	98	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	01	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1						78	KHOAN	Vietnamese
10	HÒA XUÂN LUÂN	TD1	07	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	08-09	2	9			83	KHOAN	Vietnamese
12	TRÌNH CAO TRỌNG	TD1	03	1	11	3	45	72	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD1	99,600	2	16			78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	02	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TẠ HOÀNG ANH	TD1	05-06	2	18			77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN DANH TRUNG	TD1	80	1	5	2	17	69	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ QUÝ TRƯỞNG	TD1	76	1	9	1	14	71	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD1	81-82	2	9			76	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TÀI	TD1	83	1	9			52	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH BĂNG	TD1	10	1	8			87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	4	301	5	57	1	18	0		
2	TD1	16	1.181	18	124	6	76	22		
TOTAL		20	1.482	23	181	7	94	22		
WEIGHT KG			1.482		181		94			

GRAND TOTAL: 1.757 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM ☐
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG ☒

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRẮNG 1	TO: CLO - MRM - RC5	CREW: VTHU - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/2441		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG VĂN THƯƠNG	CLO	72	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
2	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	70	1	6			80	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	75	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ THẾ NĂNG	CLO	73	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN LONG	CLO						70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	67	1	2			56	KHOAN	Vietnamese
7	BÙI QUỐC GIA	CLO	69	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
8	HÀ QUỐC DŨNG	CLO	68	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	64	1	3	5	90	79	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	63	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NHƯ DŨNG	CLO	66	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HÀ VĂN	CLO	65	1	6			92	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	62	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THÀNH	CLO	71	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU TIẾN TỐI	MRM	41	1	11	1	23	58	MINH MINH	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÙNG	MRM	42	1	9			71	MINH MINH	Vietnamese
17	LÊ VĂN HIỂN	MRM	39	1	4			58	MINH MINH	Vietnamese
18	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	MRM	40	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HOAN	MRM	36	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	MRM	37-38	2	19			63	SCHLUMBER GER	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	14	1.021	13	64	5	90	14	2	CHUYEN 2 PAX TU CLO
2	MRM	6	384	7	54	1	23	7		-RC5
3	RC5	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	1.405	20	118	6	113	21		
WEIGHT KG			1.405		118		113			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

☒
☐



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - TD3	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:03
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2439	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRUNG KIÊN	PVD8	21	1	8	4	63	81	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐẠI	PVD8	27	1	7			66	PVDO	Vietnamese
3	LÊ VĂN PHƯƠNG	PVD8	39	1	7			71	PVDO	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	PVD8	90	1	4			72	PVDO	Vietnamese
5	PHẠM MINH THẮNG	PVD8	98	1	8			73	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD8	97	1	7			66	PVDO	Vietnamese
7	LÊ TÂN TỊNH	PVD8	95-96	2	10			66	PVDO	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN MINH	PVD8	25	1	11			65	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN TRÌNH	PVD8	197	1	6			70	PVDO	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG THẮNG	PVD8	19	1	10			70	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TOÀN	PVD8	20	1	6			56	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU CUÔNG	PVD8	32-33	2	15			62	PVDO	Vietnamese
13	VÕ NGỌC PHÚ	PVD8	22	1	14	1	10	67	PVDO	Vietnamese
14	DƯƠNG QUANG MẠNH	PVD8	596	1	5			81	PVDO	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN SAN	PVD8	85	1	11			69	PVDO	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH CUÔNG	PVD8	99	1	4			57	PVDO	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC ĐÁO	PVD8	24	1	10			70	PVD OFFSHORE	Vietnamese
18	TRẦN VĂN PHONG	PVD8	28	1	9			75	PVD OFFSHORE	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG MINH	PVD8	26	1	11			80	PVDWS	Vietnamese
20	LÊ MINH HOÀNG	PVD8	29	1	15			86	PVDWS	Vietnamese
21	TRẦN ĐÔNG MINH	PVD8	30-31	2	14			72	HECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.475	24	192	5	73	21		CHUYEN 1 PAX PVD8-TD3
2	TD3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.475	24	192	5	73	22		
WEIGHT KG			1.475		192		73			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TTC3 - P8	CREW: QVIỆT - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2435		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN NINH	TTC3	98	1	20	4	39	78	CODIEN	Vietnamese
2	PHAN VĂN HIẾU	TTC3	34,99	2	13	7	135	60	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	P8	53	1	2			63	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH TINH	P8	57	1	14			71	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN PHAN	P8	63	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P8	54	1	7			55	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ THANH NGỌC	P8	58-59	2	14			49	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HẬU	P8	51	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
9	KUSHENKO NHIKOLAI*	P8	67-68	2	13			76	KH-THAC	Russian
10	SAKORN ROMPOYEN	P8	71	1	8	2	27	65	BAKER HUGHES	Thailand
11	PHUNSAK WONGKIRD	P8	64	1	4	2	23	74	BAKER HUGHES	Thailand
12	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P8	52	1	4	2	40	84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT THÀNH	P8	62	1	8			56	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN BÌNH	P8	56	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN VĂN THANH	P8	55	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC THÀNH	P8	61	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P8	60	1	7			79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC3	2	138	3	33	11	174	5	2	CHUYEN 2 PAX TTC3-P8
2	P8	15	1.028	17	108	6	90	17		
TOTAL		17	1.166	20	141	17	264	22		
WEIGHT KG			1.166		141		264			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD3 - GTC1	CREW: NAM - HTRUNG - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM26/2438		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG MINH TOAN	TD3	27	1	9	1	16	57	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3						93	KHOAN	Vietnamese
3	HUỶNH ÁI HỮU	TD3	23	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH THOẠI	TD3	79	1	11			93	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	30	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÀNH	TD3	22	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	31	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ QUANG HIỀU	TD3	29	1	6			119	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD3	24-25	2	14			71	YTE	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	28	1	8			90	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUNG	TD3	78	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC TÀI	TD3	32	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH PHÚC	TD3	80-81	2	18			64	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC TRỌNG	TD3	33	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DU	TD3	26	1	4			57	DVL	Vietnamese
16	BÙI ĐỨC TRUNG	TD3	77	1	11			62	DVL	Vietnamese
17	ĐÀO VĂN YÊN	TD3	20	1	12			65	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HỘI	TD3	21	1	14			66	DVL	Vietnamese
19	PHAN VĂN LỆ	TD3	75-76	2	15			75	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO TRÍ	TD3	73-74	2	12			86	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN AN	TD3	82	1	5			69	PETROSETC O	Vietnamese
22	ĐỖ DANH NGỌC	GTC1	35-36	2	18	2	10	83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.570	24	203	1	16	18		
2	GTC1	1	83	2	18	2	10	3		
TOTAL		22	1.653	26	221	3	26	21		
WEIGHT KG			1.653		221		26			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P6 - P5 - CLO	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/2440	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	P6	09	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TRỌNG NHIÊN	P6	07	1	14	1	9	58	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ANH TUẤN	P6	10	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	P6	08	1	15			124	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH QUÊ	P6	04	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN LỄ	P6	03	1	10	2	25	63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ HÒI	P6	01	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG HỒNG HẢI	P6	02	1	12			89	KH-THAC	Vietnamese
9	BÙI VĂN VƯỢNG	P6	05-06	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN KIM	P6	11-12	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ TRUNG KIÊN	CLO	56	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠ HỒNG QUÂN	CLO	57	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THÁI THÀNH	CLO	62-63	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HÙNG	CLO	59	1	16			90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HUY	CLO	60	1	16	2	36	77	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLO	58	1	10			82	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	CLO	54	1	9	2	40	104	PSV	Vietnamese
18	HỒ MINH PHÚC	CLO	55	1	4			78	PSV	Vietnamese
19	VŨ VĂN THẨM	CLO	61	1	3			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	10	753	12	124	3	34	3		
2	P5	0	0	0	0	0	0	8		
3	CLO	9	712	10	102	4	76	11		
TOTAL		19	1.465	22	226	7	110	22		
WEIGHT KG			1.465		226		110			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
B.CARD: CAM-3	TO: TD2	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 14:40
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/2432	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD2	04	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN BẮC	TD2	08	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH ANH	TD2	05	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ HIẾU	TD2						75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH QUÂN	TD2	02	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUY	TD2	13-14	2	8			76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	TD2	06-07	2	13			68	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HẢI	TD2						76	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HOÀNG	TD2	01	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	03	1	8			84	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN VINH	TD2	09	1	13			85	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH CHÍ CÔNG	TD2	12	1	18			67	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	10-11	2	10			82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	13	969	14	97	0	0	19		
TOTAL		13	969	14	97	0	0	19		
WEIGHT KG			969		97		0			

GRAND TOAL: 1.066 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRINH VINH LINH



DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 03/06/2026	Departure	TĐ02	Số hiệu máy bay		Giờ cất cánh (VT)	11:25:00
Chuyến bay: 01	Destination	Vung Tau	Tổ bay		Giờ hạ cánh	

Hành Khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Банеев Д.В.	19706	Chánh kỹ sư	XN Khoan	Russian	1	10	100
2	Bùi Hữu Hồng	7782	Kíp trưởng khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	5	79
3	Nguyễn Thanh Tuyền	18309	Kíp trưởng khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	7	79
4	Nguyễn Thanh Tùng	18347	Thợ phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	4	52
5	Bùi Trung Thọ	11325	Thợ phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	0	0	62
6	Trần Mai Nam		Thợ phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	4	78
7	Nguyễn Quốc Đoàn	PVD	Thợ phụ khoan PVD	XN Khoan	Viet Nam	1	5	54
8	Nguyễn Văn Hiến		KS Cơ khí	XN Khoan	Viet Nam	1	2	60
9	Trương Đức Mạnh	21382	Thợ nguội	XN Khoan	Viet Nam	1	4	74
10	Lê Phú	21384	Thợ nguội	XN Khoan	Viet Nam	1	6	61
11	Chu Minh Hân		Dung dịch	XN Khoan	Viet Nam	2	15	100
12	Trần Duy Đức		Khoan xiên	XN Khoan	Viet Nam	1	13	81
13	Bùi Trung Hiếu		KS ban an toàn	XN Khoan	Viet Nam	1	8	77
14	Ильяшенко Д. А		CV An Toàn	TTAT	Russian	1	7	70
15	Nguyễn Văn Tuyền		Điều hành	Điều Hành	Viet Nam	0	0	69
16	Lê Văn Giáp		Nhân Viên	Petrosetco	Viet Nam	1	5	61
17	Bùi Văn Long		Nhân Viên	Petrosetco	Viet Nam	1	9	77
18	Phạm Văn Đức		KTV	TT CNTT	Viet Nam	2	20	62
Σ	18					18	124	1296

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1	Mẫu xi măng	Vũng Tàu	1	8
2	Mẫu Dung dịch	Vũng Tàu	1	9

Người lập

Đại diện giàn

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	17	1296
Hành lý	18	124
Hàng hóa	2	17
Tổng cộng	37	1437



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: XANH-3	TO: TD2 - SAVR	CREW: TRƯỜNG - VƯƠNG	ETA: 15:40
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/2433	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ THỂ ANH	TD2	09	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD2	15	1	4	7	120	77	ANTOAN	Vietnamese
3	PHAICHIT KOSONKARN	TD2	16-17	2	20			79	DMC	Thailand
4	LÊ TRƯỜNG HẬU	TD2	22-23	2	15			79	MERMAID	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC MINH	TD2	24	1	8			68	MERMAID	Vietnamese
6	LÂM QUANG DUY	TD2	18	1	14			81	CODIEN	Vietnamese
7	HÀ MẠNH NAM	TD2	20	1	13			74	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HOÀNG	TD2	15	1	12			79	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD2	11-12	2	10			80	CODIEN	Vietnamese
10	HOÀNG MINH THƯỜNG	TD2	13-14	2	14			65	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN THANH HIỆP	TD2	19	1	10			86	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ NGỌC ANH	TD2	10	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD2	21	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	13	994	17	144	7	120	1		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	18		
TOTAL		13	994	17	144	7	120	19		
WEIGHT KG			994		144		120			

GRAND TOAL: 1.258 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG

TRẦN HÙNG VƯƠNG



Đường bay:
TD2+SAVR

Ngày: 03/06/2026	Departure	TĐ02	Số hiệu máy bay		Giờ cất cánh (VT)	12:40:00
Chuyến bay: 01	Destination	Vung Tau	Tổ bay		Giờ hạ cánh	

Hành Khách								
STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Đỗ Văn Thành	17940	KS Điện	XNCD	Viet Nam	3	42	77
Σ	1							
Hàng hóa						3	42	77

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1				

Người lập

Đại diện gần

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	1	77
Hành lý	3	42
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	4	119

Co' 3 thùng hàng
trên khoang khách! $\Rightarrow$ theo pax Đ. Văn Thành



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: BK14 - P8 - PVD8	CREW: QVIỆT - SON - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/2436	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THÀNH TÀI	BK14	89	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ NGỌC THANH	BK14	90-91	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG HIỆU	BK14	92-93	2	18	3	72	74	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG NGỌC THƯƠNG	P8	87-88	2	17			60	NAM TIẾN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THÁI	P8	84	1	7			62	NAM TIẾN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ĐỊNH	P8	83	1	10			67	NAM TIẾN	Vietnamese
7	NGUYỄN HÒA	P8	80	1	15			59	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	P8	89-90	2	13			73	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KHUYNH	P8	78-79	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH	P8	74	1	13	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HUY	P8	85-86	2	14			57	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẶNG TÔ HIỆU	P8	76	1	10	1	17	74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CẢNH CHUNG	P8	91-92	2	11			50	XAYLAP	Vietnamese
14	TRỊNH ĐÌNH THANH	P8	81-82	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUẤN	PVD8	69	1	6			85	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU KHÔI	PVD8	66-67	2	7			56	PSV	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HÙNG	PVD8	68	1	5			61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM HOÀNG	PVD8	73	1	15			53	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	PVD8	71	1	11	1	12	66	CODIEN	Vietnamese
20	HUỲNH TẤN QUỐC	PVD8	70	1	4			65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	3	221	5	40	3	72	1		
2	P8	11	702	17	147	2	32	9		
3	PVD8	6	386	7	48	1	12	12		
TOTAL		20	1.309	29	235	6	116	22		
WEIGHT KG			1.309		235		116			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN

